

Biểu 3

CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG
KHU VỰC NÔNG THÔN
Tháng 01 năm 2025

Đơn vị tính: %

	CHỈ SỐ GIÁ THÁNG 01 NĂM 2025 SO VỚI		
	Kỳ gốc năm 2019	Tháng 01 năm 2024	Tháng 12 năm 2024
CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG	117,55	103,70	101,11
I. Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	123,13	104,78	100,82
1 - Lương thực	137,19	102,67	100,25
2 - Thực phẩm	119,69	105,43	101,08
3 - Ăn uống ngoài gia đình	126,58	103,90	100,29
II. Đồ uống và thuốc lá	114,88	102,76	100,64
III. May mặc, mũ nón, giày dép	109,96	101,84	100,45
IV. Nhà ở và vật liệu xây dựng ^(*)	122,99	104,02	100,18
V. Thiết bị và đồ dùng gia đình	109,25	101,88	100,34
VI. Thuốc và dịch vụ y tế	125,26	113,20	109,67
Trong đó: Dịch vụ y tế	130,94	117,19	112,74
VII. Giao thông	107,28	99,02	101,10
VIII. Bưu chính, viễn thông	97,90	100,12	99,95
IX. Giáo dục	115,98	99,21	99,99
Trong đó: Dịch vụ giáo dục	115,66	98,75	99,99
X. Văn hoá, giải trí và du lịch	104,94	101,90	100,13
XI. Hàng hoá và dịch vụ khác	123,24	107,53	100,56

(*) Xem ghi chú Biểu 1.